**ĐÁP ÁN VĂN 11 ( Ngày 29/10/22)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phân tích bài thơ *Thương vợ* của Trần Tế Xương để thấy được tấm lòng yêu thương, quý trọng vợ và nhân cách cao đẹp của nhà thơ.** | **10,0** |
| * + - * 1. **a.** Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học.
 |  |
| Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề | 1.0 |
| * + - * 1. **b.** Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.
 | 0,5 |
| Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương để thấy được tấm lòng yêu thương, quý trọng vợ và nhân cách cao đẹp của nhà thơ.. |
| **c.** Triển khai vấn đề thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. | 1,0 |
| **MB**: Trần Tế Xương (1870 – 1907), thường gọi là Tú Xương.Ông là một người tài năng nhưng lận đận về quan trường.Thương vợ là một trong những bài thơ hay và cảm động nhất của Tú Xương viết về vợ.  | 1,0 |
| **TB**: Phân tích theo các gợi ý sau: **a)Hai đâu đề:**-Công việc, thời gian và không gian nơi bà Tú làm việc thể hiện sự nguy hiểm, vất vả.- Tác giả dùng số từ tự tách mình ra thành kẻ ăn bám, ăn ké => xót thương, tri ân vợ. **b) Hai câu thực:**- Biện pháp đảo ngữ (*lặn lội, eo sèo*), hình ảnh ẩn dụ *“thân cò*” => thân phận người phụ nữ vất vả gian truân, đáng thương đáng tội.- “*Đò đông”, “quãng vắng*”🡪sự vất vả hy sinh của bà Tú, không màng hiểm nguy. | 2,5 |
|  |  **c) Hai câu luận:**- Thành ngữ “một duyên hai nợ”, “năm nắng mười mưa”: Duyên ít nợ nhiều nhưng bà Tú không một lời oán trách.- Số từ tăng tiến 1-2-5-10, thể hiện đức tính hy sinh thầm lặng, chịu thương, chịu khó hết lòng vì chồng vì con. **d)Hai câu kết:**- Tú Xương chửi đổng - Chửi xã hội đương thời.- Chửi bản thân “hờ hững”, tự trách mình vô dụng=> Xót thương.=> Nhân cách đẹp của nhà thơ**KB**: Cảm nhận chung về hình ảnh bà tú và nhân cách của Tú Xương.Nghệ thuật: Sử dụng tiếng Việt giản dị, tự nhiên, giàu sức biểu cảm; vận dụng sáng tạo hình ảnh, cách nói văn học dân gian; kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng | 2,5 |
| * 1. Sáng tạo
 | 1.0 |
| Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc. |
| 1. Chính tả, dùng từ, đặt câu
 | 0,5 |
| Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu |